TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 14 – 3 - 2025
"V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Ngọc Đài và bà Nguyễn Thị Chinh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Mậu Tuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST - DS ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1977 (Có mặt).
- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà (Vũ Thị T) và ông Nguyễn Văn N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bà và ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng bà chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm dẫn tới thường cãi vã nhau. Nguyện vọng của bà hiện nay là được ly hôn ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 03 con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 09/8/1995, Nguyễn Thị T2, sinh ngày 10/10/1997 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 24/8/2006. Các con chung của bà với ông N đều đã trên 18 tuổi nên nếu ly hôn thì bà không đề nghị xem xét về trách nhiệm nuôi con.

Về phân chia tài sản chung và thanh toán nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông Nguyễn Văn N không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia***

phiên họp và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, việc HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho bà Vũ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn N;

+ Về con chung: Các con chung của bà T và ông N đã trên 18 tuổi nên không đề cấp xem xét về trách nhiệm nuôi con.

+ Về phân chia tài sản chung và thanh toán nợ chung: Do bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét;

+ Về án phí: Bà Vũ Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Nguyễn Văn N vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Vũ Thị T và ông Nguyễn Văn N HuyHuylà vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà T đã khởi kiện yêu cầu ly hôn ông N. Như vậy, HĐXX xác định đây là vụ án tranh chấp về "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị T và ông Nguyễn Văn N là hợp pháp. Theo trình bày của bà T về lý do xin ly hôn là do quan hệ hôn nhân giữa bà với ông N đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể khắc phục được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo cho ông N đến để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp và hòa giải, nhưng ông N không có mặt. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì thực tế giữa bà T và ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, và đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án bà T có nguyện vọng ly hôn, chứng tỏ

tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đảm bảo cuộc sống hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX xét thấy việc bà T yêu cầu ly hôn ông N là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Các con chung của bà T và ông N đã trên 18 tuổi nên HĐXX không đề cấp xem xét về trách nhiệm nuôi con.

- Về phân chia tài sản chung: Các đương sự chưa có yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra để xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bà T là người có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu số AA/2023/0011798 ngày 01/10/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- UBND xã Ea Hiao, huyện Ea H'Leo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN